



UBND QUẬN BA ĐÌNH
TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II
Môn: Toán 6
Năm học 2022 - 2023

NỘI DUNG ÔN TẬP

- Số học: Chương VI. Phân số và Chương VII. Số thập phân hết bài 30
- Hình học: Chương VIII. Những hình hình học cơ bản: Từ Bài 32 đến 35.

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số

- A. $\frac{-3}{2,5}$. B. $\frac{0}{2,4}$. C. $\frac{2}{0}$. D. $\frac{2}{-3}$.

Câu 2. Phân số bằng phân số $\frac{2}{6}$ là

- A. $\frac{1}{3}$. B. $\frac{2}{3}$. C. $\frac{1}{2}$. D. $\frac{1}{4}$.

Câu 3. Trong các phân số sau, phân số nào tối giản?

- A. $\frac{-3}{-7}$. B. $\frac{-8}{12}$. C. $\frac{11}{121}$. D. $\frac{13}{-52}$.

Câu 4. So sánh 2 phân số sau: $\frac{-5}{13}$ và $\frac{7}{13}$

- A. $\frac{-5}{13} < \frac{7}{13}$. B. $\frac{-5}{13} > \frac{7}{13}$. C. $\frac{-5}{13} = \frac{7}{13}$. D. Cả 3 đáp án đều sai.

Câu 5. Hỗn số $4\frac{2}{5}$ được viết dưới dạng phân số là

- A. $\frac{22}{5}$. B. $\frac{5}{22}$. C. $\frac{11}{5}$. D. $\frac{8}{5}$.

Câu 6. Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự giảm dần: $\frac{1}{5}$; $\frac{-3}{5}$; $\frac{4}{-5}$

- A. $\frac{1}{5} > \frac{-3}{5} > \frac{4}{-5}$. B. $\frac{-3}{5} > \frac{1}{5} > \frac{4}{-5}$. C. $\frac{4}{-5} > \frac{-3}{5} > \frac{1}{5}$. D. $\frac{1}{5} > \frac{4}{-5} > \frac{-3}{5}$.

Câu 7. Kết quả của $\frac{-9}{4} + \frac{3}{2}$ bằng

- A. $\frac{-6}{2}$. B. $\frac{-6}{4}$. C. $\frac{-3}{4}$. D. $\frac{-12}{8}$.

Câu 8. Kết quả của $\frac{-1}{2} - \frac{4}{7}$ là

- A. $\frac{-1}{14}$. B. $\frac{-3}{7}$. C. $\frac{-15}{14}$. D. $\frac{1}{5}$.

Câu 9. Kết quả của phép tính $\frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5}$ bằng

- A. $\frac{37}{60}$. B. $\frac{13}{60}$. C. $\frac{-13}{60}$. D. $\frac{53}{60}$.

Câu 10. Phân số nghịch đảo của phân số $\frac{3}{-5}$ là

- A. $\frac{5}{3}$. B. $\frac{-3}{5}$. C. $\frac{-5}{3}$. D. $\frac{3}{5}$.

Câu 11. Kết quả của phép tính $\frac{2}{11} + \left(\frac{-5}{11} - \frac{9}{11} \right)$ là:

- A. $-\frac{12}{11}$. B. $\frac{12}{11}$. C. $\frac{13}{11}$. D. $-\frac{13}{11}$.

Câu 12. Kết quả tìm được của x trong biểu thức $\frac{1}{2} - x = \frac{1}{2}$ là:

- A. $-\frac{1}{2}$. B. $\frac{1}{4}$. C. 0. D. $\frac{3}{2}$.

Câu 13. Trong các số sau, số nào là mẫu chung của các phân số: $\frac{-4}{7}; \frac{8}{9}; \frac{-10}{21}$ là:

- A. 42. B. 21. C. 63. D. 147.

Câu 14. Kết quả tìm được của x trong biểu thức $\frac{-x}{27} - 1 = \frac{2}{3}$ là:

- A. 45. B. -45. C. -5. D. -135.

Câu 15. Giá trị của phép tính $\frac{1}{4} + \left(\frac{-1}{2} + \frac{2}{3}\right)$ bằng:

- A. $\frac{3}{12}$. B. $\frac{4}{12}$. C. $\frac{5}{12}$. D. $\frac{6}{12}$.

Câu 16. Kết quả tìm được của x trong biểu thức $x - \frac{3}{4} = \frac{1}{2}$ là:

- A. $\frac{5}{4}$. B. $-\frac{5}{4}$. C. $\frac{3}{4}$. D. $-\frac{1}{4}$.

Câu 17. Giá trị của biểu thức $\left(\frac{-1}{4} + \frac{5}{8}\right) + \frac{-3}{8}$ là:

- A. $-\frac{1}{4}$. B. $-\frac{1}{8}$. C. 0. D. 1.

Câu 18. Kết quả của phép tính $\frac{3}{20} \cdot \frac{-5}{9}$ là

- A. $\frac{15}{180}$. B. $-\frac{15}{180}$. C. $-\frac{1}{12}$. D. -12.

Câu 19. Giá trị của x trong phép tính $\frac{2}{5} : x = \frac{-3}{4}$ là

- A. $-\frac{6}{20}$. B. $-\frac{20}{6}$. C. $-\frac{15}{8}$. D. $-\frac{8}{15}$.

Câu 20. Giá trị của x trong phép tính $x \cdot \frac{4}{7} = -5$ là

- A. $-\frac{35}{4}$. B. $-\frac{4}{35}$. C. $-\frac{20}{7}$. D. $-\frac{7}{20}$.

Câu 21. Khánh có 45 cái kẹo. Khánh cho Linh $\frac{2}{3}$ số kẹo đó. Hỏi Khánh cho Linh bao nhiêu cái kẹo?

- A. 40 cái kẹo. B. 36 cái kẹo. C. 30 cái kẹo. D. 18 cái kẹo.

Câu 22. Tính chiều dài của một đoạn đường, biết rằng $\frac{4}{7}$ đoạn đường đó dài 40 km.

- A. 75 km. B. 48 km. C. 70 km. D. 80 km.

Câu 23. Tìm diện tích của một hình chữ nhật, biết $\frac{3}{8}$ chiều dài là 12 cm, $\frac{2}{3}$ chiều rộng là 12 cm

- A. 520 cm². B. 515 cm². C. 535 cm². D. 576 cm².

Câu 24. Trong rổ có 50 quả cam. Số táo bằng $\frac{9}{10}$ số cam và số cam bằng $\frac{10}{11}$ số xoài. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả cam, táo, xoài?

- A. 140 quả. B. 100 quả. C. 145 quả. D. 150 quả.

Câu 25. Sắp xếp các số -123,63; -203,7; 0; 21,15; 9,546 theo thứ tự từ nhỏ đến lớn:

A. $-123,63 < -203,7 < 0 < 9,546 < 21,15$.

B. $-203,7 < -123,63 < 0 < 21,15 < 9,546$.

C. $-203,7 < -123,63 < 21,15 < 9,546 < 0$.

D. $-203,7 < -123,63 < 0 < 9,546 < 21,15$

Câu 26. Kết quả của phép tính $125,84 + 13,02 - 5,7$ là

A. 133,79.

B. 144,56.

C. 133,16.

D. 143,93.

Câu 27. Kết quả của tìm x trong phép tính $x.45 + x.55 = -1000$ là

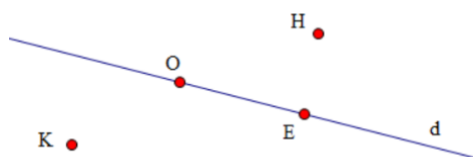
A. -100.

B. 100.

C. -10.

D. 10.

Câu 28. Trong hình vẽ dưới đây, điểm thuộc đường thẳng d là



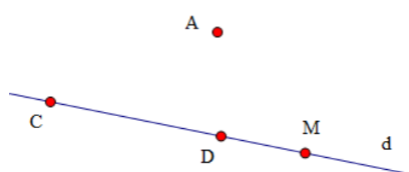
A. K, O.

B. K, H.

C. O, E.

D. E, H.

Câu 29. Trong hình vẽ dưới đây, kể tên một bộ ba điểm thẳng hàng?



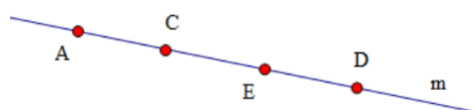
A. A, M, D.

B. C, M, A.

C. A, C, D.

D. C, D, M.

Câu 30. Trong hình vẽ dưới đây, điểm nào nằm giữa hai điểm C và D?



A. A.

B. C.

C. E.

D. D.

Câu 31. Có bao nhiêu đường thẳng phân biệt đi qua hai điểm A và B?

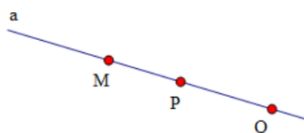
A. Có hai đường thẳng.

B. Có vô số đường thẳng.

C. Không có đường thẳng nào.

D. Có một đường thẳng.

Câu 32. Chọn khẳng định sai trong các khẳng định dưới đây?



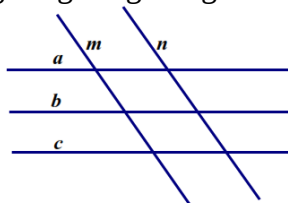
A. Điểm M nằm giữa hai điểm P và Q.

B. Điểm P nằm giữa hai điểm M và Q.

C. Hai điểm P, Q nằm cùng phía đối với điểm M

D. Hai điểm M, Q nằm khác phía đối với điểm P.

Câu 33. Có bao nhiêu cặp đường thẳng song song trong hình vẽ sau?



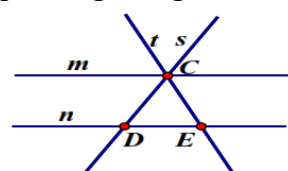
A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 34. Cho hình vẽ: Có bao nhiêu cặp đường thẳng cắt nhau tại C?



A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 35. Gọi I là điểm bất kì thuộc đoạn thẳng AB , điểm I nằm ở đâu? Em hãy chọn câu trả lời đúng trong các câu sau?

- A. Điểm I phải trùng với điểm A . B. Điểm I nằm giữa hai điểm A và B .
C. Điểm I phải trùng với điểm B
D. Điểm I hoặc trùng với A hoặc nằm giữa hai điểm A và B hoặc trùng với điểm B

Câu 36. Nếu điểm O nằm trên đường thẳng xy thì điểm O là gốc chung của

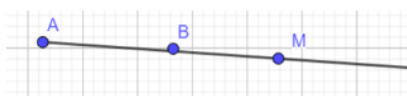
- A. hai tia trùng nhau. B. hai tia đối nhau Ox và Oy .
C. hai tia đối nhau Ox và xy . D. hai tia đối nhau Oy và xy .

Câu 37. Cho hình vẽ, trong ba điểm M, N, O thì điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?



- A. Điểm N nằm giữa điểm M và O . B. Điểm O nằm giữa điểm M và N .
C. Điểm M nằm giữa điểm O và N D. không có điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại

Câu 38. Cho tia AB , lấy M thuộc tia AB . Khẳng định nào sau đây là đúng?



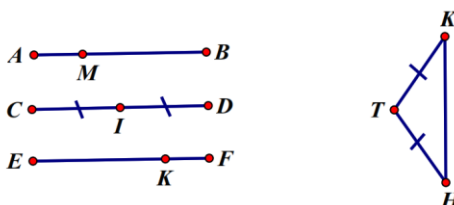
- A. A và B nằm khác phía so với M . B. M và A nằm cùng phía so với B .
C. M và B nằm cùng phía so với A . D. M nằm giữa A và B .

Câu 39. Gọi I là điểm bất kì thuộc đoạn thẳng AB , điểm I nằm ở đâu? Em hãy chọn câu trả lời đúng trong các câu sau?

- A. Điểm I phải trùng với điểm A . B. Điểm I nằm giữa hai điểm A và B .
C. Điểm I phải trùng với điểm B
D. Điểm I hoặc trùng với A hoặc nằm giữa hai điểm A và B hoặc trùng với điểm B

Câu 40. Nếu điểm O nằm trên đường thẳng xy thì điểm O là gốc chung của

- A. hai tia trùng nhau. B. hai tia đối nhau Ox và Oy .
C. hai tia đối nhau Ox và xy . D. hai tia đối nhau Oy và xy .



- A. M là trung điểm của AB B. I là trung điểm của CD
C. K là trung điểm của EF . D. T là trung điểm của KH .

Câu 41. Gọi I là điểm bất kì thuộc đoạn thẳng AB , điểm I nằm ở đâu? Em hãy chọn câu trả lời đúng trong các câu sau?

- A. Điểm I phải trùng với điểm A . B. Điểm I nằm giữa hai điểm A và B .
C. Điểm I phải trùng với điểm B
D. Điểm I hoặc trùng với A hoặc nằm giữa hai điểm A và B hoặc trùng với điểm B

Câu 42. Nếu P là trung điểm của đoạn thẳng MN thì P nằm giữa hai điểm M, N và:

- A. $PM = NM$. B. $PM = PN$. C. $PN = MN$. D. $PM > PN$.

Câu 43. Nếu M là trung điểm của $AB = 5\text{cm}$ thì độ dài MA, MB là:

- A. 2cm . B. $2,5\text{cm}$. C. 5cm . D. $2,2\text{cm}$.

Câu 44. Nếu điểm O nằm trên đường thẳng xy thì điểm O là gốc chung của

- A. hai tia trùng nhau. B. hai tia đối nhau Ox và Oy .
C. hai tia đối nhau Ox và xy . D. hai tia đối nhau Oy và xy .

Câu 45. Trên tia Ox lấy 2 điểm A và B , sao cho: $OA = 3\text{cm}$, $OB = 6\text{cm}$. Khi đó ta có:

- A. Điểm O nằm giữa hai điểm A và B . B. Điểm A là trung điểm của đoạn OB .

B. PHẦN TỰ LUẬN

I. SỐ HỌC

Bài 1. So sánh:

a) $\frac{11}{25}$ và $\frac{2}{5}$

b) $\frac{26}{39}$ và $\frac{-24}{32}$

c) $\frac{5}{-8}$ và $\frac{-10}{-11}$

Bài 2. Thực hiện phép tính

a) $\frac{1}{5} - \frac{-3}{6}$

b) $\frac{5}{36} \cdot \frac{-6}{35}$

c) $1\frac{4}{7} : \frac{25}{-49}$

d) $\frac{11}{36} + \frac{-7}{24}$

e) $\frac{1}{4} - \frac{2}{3} - \frac{11}{18}$

f) $\frac{1}{4} + \frac{5}{12} - \frac{1}{13} - \frac{7}{8}$

g) $\frac{1}{4} + \frac{3}{4} \cdot \left(\frac{-1}{2} + \frac{2}{3}\right)$

h) $\left(\frac{3}{8} + \frac{-3}{4} + \frac{7}{12}\right) : \frac{5}{6} + \frac{1}{2}$

i) $\left(\frac{3}{8} + \frac{1}{4}\right) : \left(\frac{4}{3} - \frac{1}{6}\right)$

k) $\frac{-3}{4} \cdot \left(\frac{-44}{9}\right) \cdot \left(-\frac{1}{11}\right)$

Bài 3. Tính một cách hợp lý

a) $\frac{-3}{7} + \frac{5}{13} + \frac{-4}{7}$

b) $\frac{12}{19} + \frac{-8}{13} - \frac{12}{19} + \frac{5}{-13} + 2$

c) $\left(10\frac{2}{9} + 2\frac{3}{5}\right) - 5\frac{2}{9}$

d) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{3}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{8}{11} + \frac{5}{7}$

e) $\frac{5}{7} \cdot \frac{10}{11} + \frac{5}{7} \cdot \frac{14}{11} - \frac{5}{7} \cdot \frac{17}{11}$

f) $\frac{-5}{12} \cdot \frac{4}{19} + \frac{-7}{12} \cdot \frac{4}{19} - \frac{40}{57}$

Bài 4. Tìm x biết:

a) $\frac{-1}{3} = \frac{3}{x}$

b) $\frac{x}{3} = \frac{3}{x}$

c) $\frac{3}{4} \cdot x = 1\frac{1}{2}$

d) $x - \frac{3}{10} = \frac{7}{15} : \frac{3}{5}$

e) $\frac{-4}{7} - x = \frac{-8}{3} \cdot \frac{3}{7}$

f) $\frac{4}{7} \cdot x - \frac{2}{3} = \frac{1}{5}$

g) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} : 3x = \frac{1}{5}$

h) $\frac{2}{9} - \frac{7}{8}x = \frac{1}{3}$

i) $\left(2\frac{4}{5}x - 50\right) : \frac{2}{3} = 51$

Bài 5. Có $\frac{4}{5}$ số học sinh lớp 6B thích bóng bàn, còn $\frac{7}{10}$ số học sinh thích đá cầu, $\frac{23}{25}$ số học sinh thích

bóng đá. Môn thể thao nào được nhiều bạn 6B yêu thích nhất?

Bài 6. Huy làm bài tập môn Tiếng Anh trong ba ngày thứ bảy, chủ nhật và thứ hai. Bạn ấy đã làm được $\frac{1}{8}$ số bài tập vào ngày thứ bảy và $\frac{3}{4}$ số bài tập vào ngày chủ nhật. Ngày thứ hai bạn ấy chỉ còn lại 3 bài

nữa là xong toàn bộ số bài tập phải hoàn thành. Hỏi tổng số bài tập Huy cần phải làm là bao nhiêu?

Bài 7. Một bác nông dân vừa thu hoạch 60 kg cà chua và 24 kg dưa chuột.

a) Bác đem số cà chua đó đi bán, giá mỗi ki-lô- gam cà chua là 12 500 đồng. Hỏi bác nông dân thu được số tiền là bao nhiêu?

b) Số dưa chuột bác vừa thu hoạch chỉ bằng $\frac{3}{4}$ số dưa chuột hiện có trong vườn. Nếu bác thu hoạch hết tất cả thì được bao nhiêu kg dưa chuột?

Bài 8. Một bể cá cảnh dạng khối hộp chữ nhật, có kích thước 30 cm x 40 cm và chiều cao 20 cm. Lượng nước trong bể cao bằng $\frac{3}{4}$ chiều cao của bể. Tính số lít nước ở bể đó?

Bài 9. Quốc kỳ của nước Việt Nam là hình chữ nhật, có chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh. Lá cờ trên cột cờ Lũng Cú – Hà Giang có chiều dài 9 mét thì diện tích của lá cờ là bao nhiêu?

Bài 10. Bạn An đọc một cuốn sách trong 3 ngày. Ngày thứ nhất đọc $\frac{1}{3}$ số trang. Ngày thứ hai đọc $\frac{5}{8}$ số trang còn lại. Ngày thứ ba đọc nốt 90 trang. Tính xem cuốn sách có bao nhiêu trang?

Bài 11. Năm 2020 do dịch COVID-19 nên nhiều nhà máy gặp khó khăn, một nhà máy may mặc trong tháng 2/2020 có ghi số dư là -2,3 tỉ đồng. Đến tháng 3/2020 do chuyển hướng sản xuất sang khẩu trang xuất khẩu nên số dư là 0,35 tỉ đồng. Số tiền mà nhà máy tăng được trong tháng 3/2020 là bao nhiêu?

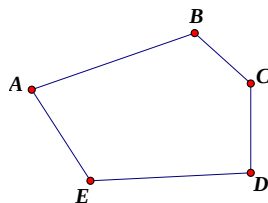
Bài 12. Tại một buổi học ở lớp học có số học sinh vắng mặt bằng $\frac{1}{6}$ số học sinh có mặt. Người ta nhận thấy nếu lớp có thêm một học sinh nghỉ học nữa thì số học sinh vắng mặt bằng $\frac{1}{5}$ số học sinh có mặt. Tính tổng số học sinh của lớp đó.

II. HÌNH HỌC

Bài 13. Cho hai tia đối nhau AB và AC.

- Gọi M là một điểm thuộc tia AB. Trong ba điểm M, A, C thì điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?
- Gọi N là một điểm thuộc tia AC. Trong ba điểm N, A, B thì điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?

Bài 14. Cho hình vẽ. Hãy đo rồi tính chu vi của hình $ABCDE$.



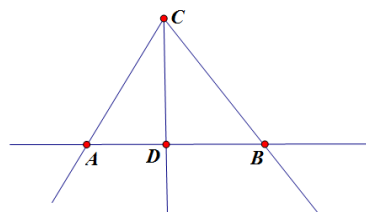
Bài 15. Cho đoạn $EF = 12\text{cm}$, các điểm M, N thuộc EF sao cho $EM = 4\text{cm}, NF = 5\text{cm}$

- Vẽ hình
- Tính độ dài đoạn thẳng MN

Bài 16.

Xem hình vẽ và trả lời câu hỏi:

- Có bao nhiêu đoạn thẳng? Kể tên?
- Có bao nhiêu đoạn thẳng có đầu mút là D ? Kể tên?
- Hai tia DB và DC có đối nhau không?
- Hai tia DB và BA có đối nhau không? Vì sao?



Bài 17. Cho điểm O nằm giữa hai điểm A và B ; điểm C nằm giữa hai điểm O và B . Kể tên hai tia trùng nhau gốc O . Hãy xác định điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

Bài 18. Cho I là trung điểm của đoạn thẳng AB , biết $IA = 2\text{cm}$. Tính độ dài đoạn thẳng AB .

Bài 19. Vẽ đoạn thẳng $AB = 10\text{cm}$. Lấy điểm C thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AC = 8\text{cm}$. Lấy điểm N nằm giữa A và C sao cho C là trung điểm của BN . Tính NC và NB .

Bài 20. Nhà Tùng cách trường học 2500m . Hằng ngày trên đường đến trường, Tùng phải đi qua một Trạm xăng dầu, sau đó đến một cửa hàng sách nằm cách trường khoảng 700m . Hỏi quãng đường từ trạm xăng dầu đến cửa hàng sách dài bao nhiêu mét? Biết rằng trạm xăng dầu nằm ở chính giữa nhà Tùng và trường học.

Bài 21. Vẽ đoạn thẳng $AB = 5\text{cm}$. Trên tia AB lấy điểm C và B sao cho $AC = 3\text{cm}; AD = 8\text{cm}$.

- Trong 3 điểm B, C, D điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?
- Tính BC ? CD
- B có là trung điểm của CD không? Vì sao?

Bài 22. Vẽ tia Ax , trên tia Ax lấy điểm E sao cho $AE = 4\text{cm}$. Lấy điểm F thuộc tia đối của tia Ax sao cho $EF = 8\text{cm}$

- Trong 3 điểm A, E, F điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?
- Tính AF ?
- A có là trung điểm của FE không? Vì sao?

III. BÀI TẬP NÂNG CAO

Bài 23. Tính nhanh

$$a) \frac{2^2}{1.3} \cdot \frac{3^2}{2.4} \cdot \frac{4^2}{3.5} \cdot \frac{5^2}{4.6} \cdot \frac{6^2}{5.7};$$

$$b) \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56} + \frac{1}{72} + \frac{1}{90} + \frac{1}{110}$$

$$c) \left(\frac{1}{2} + 1\right) \cdot \left(\frac{1}{3} + 1\right) \cdot \left(\frac{1}{4} + 1\right) \dots \left(\frac{1}{999} + 1\right)$$

$$d) \frac{1}{15} + \frac{1}{35} + \frac{1}{63} + \frac{1}{99} + \frac{1}{143}$$

Bài 24. Chứng minh rằng: $S = \frac{1}{5} + \frac{1}{13} + \frac{1}{14} + \frac{1}{15} + \frac{1}{61} + \frac{1}{62} + \frac{1}{63} < \frac{1}{2}$.

Bài 25. Chứng tỏ các phân số sau là tối giản ($n \in \mathbb{N}^*$): a) $\frac{n+1}{2n+3}$ b) $\frac{2n+3}{4n+8}$ c) $\frac{3n+1}{4n+1}$.

Bài 26. Tìm tất cả các số nguyên n sao cho các phân số sau có giá trị là số nguyên.

$$a) \frac{12}{3n-1}$$

$$b) \frac{2n+3}{7}$$

$$c) \frac{2n+5}{n-3}$$

Bài 27. So sánh: a) $A = \frac{10^{10}+1}{10^{11}+1}$ và $B = \frac{10^9+1}{10^{10}+1}$; b) $M = \frac{5^{10}+1}{5^{11}+1}$ và $N = \frac{5^9+1}{5^{10}+1}$